

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
TIÊN PHONG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, Số 75-77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 50

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng quản trị</u>			
Ông Đỗ Anh Tú	Chủ tịch	04/10/2019	
Ông Trần Sơn Hải	Chủ tịch	09/01/2019	04/10/2019
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Chủ tịch	18/01/2017	09/01/2019
Ông Trần Sơn Hải	Phó Chủ tịch	04/10/2019	
Bà Phạm Thị Quỳnh Trang	Thành viên	09/01/2019	26/04/2019
Bà Phan Thị Thảo	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	18/01/2017	26/04/2019
Ông Trương Văn Toa	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Đỗ Anh Tú	Thành viên	26/04/2019	04/10/2019
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên độc lập	26/04/2019	
<u>Ban kiểm soát</u>			
Bà Trần Thanh Hương	Trưởng ban	26/04/2019	
Bà Huỳnh Việt Hà	Trưởng ban	17/10/2017	26/04/2019
Ông Dương Đình Lai	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Bà Lê Thị Phương Anh	Thành viên	20/06/2016	26/04/2019
Ông Nguyễn Đình Ngôn	Thành viên	26/04/2019	
Ông Nguyễn Thế Trung	Thành viên	26/04/2019	
<u>Ban Tổng Giám đốc</u>			
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	18/01/2017	04/10/2019
Ông Trần Sơn Hải	Tổng Giám đốc	04/10/2019	
Bà Nguyễn Thị Lệ Tùng	Giám đốc khối tài chính	16/04/2019	
Bà Bùi Thị Thanh Trà	Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư	01/03/2019	
Bà Võ Thị Xuân Lan	Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán	01/03/2019	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN SƠN HẢI - Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong, được lập ngày 4 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 50, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0474-2018-037-1

LÊ THỊ BÍCH NGỌC - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1817-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lru Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Mẫu B01-CTCK	
				Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
				Số đầu năm	
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		307.109.132.401	64.667.620.126
I.	Tài sản tài chính	110		170.779.383.560	64.348.447.235
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	117.115.839.349	19.245.318.486
1.1.	Tiền	111.1		117.115.839.349	1.145.318.486
1.2.	Các khoản tương đương tiền	111.2		-	18.100.000.000
2.	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3a	3.861.000.320	20.034.380.770
3.	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3b	-	15.000.000.000
4.	Các khoản cho vay	114	V.3c	1.426.380.509	75.000.000
5.	Các khoản phải thu	117		-	37.771.740.530
5.1	Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1	V.4a	-	37.510.206.284
5.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4b	-	261.534.246
5.2.1	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		-	261.534.246
6.	Trả trước cho người bán	118	V.4c	748.752.200	-
7.	Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4d	2.620.427.667	9.732.213.733
8.	Các khoản phải thu khác	122	V.4e	45.006.983.515	378.952.109.802
9.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	V.5	-	(416.462.316.086)
II.	Tài sản ngắn hạn khác	130		136.329.748.841	319.172.891
1.	Tạm ứng	131	V.6	134.761.567.327	32.400.000
2.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.7a	1.545.181.514	286.772.891
3.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	V.8a	20.000.000	-
4.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	136		3.000.000	-
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		20.527.552.079	6.966.439.530
I.	Tài sản tài chính dài hạn	210		-	-
II.	Tài sản cố định	220		3.571.526.285	597.762.575
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.528.432.937	522.349.231
	Nguyên giá	222		8.375.919.529	4.705.754.529
	Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(4.847.486.592)	(4.183.405.298)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	43.093.348	75.413.344
	Nguyên giá	228		7.174.617.564	7.174.617.564
	Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(7.131.524.216)	(7.099.204.220)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240	V.11	1.125.390.000	136.740.000
V.	Tài sản dài hạn khác	250		15.830.635.794	6.231.936.955
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.8b	1.492.116.185	306.387.800
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	V.7b	6.871.378.972	2.003.074.175
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	V.12	3.416.322.424	-
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	V.13	4.050.818.213	3.922.474.980
VI.	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		270		327.636.684.480	71.634.059.656

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		56.386.664.481	14.749.649.798
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		56.386.664.481	14.749.649.798
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	V.14	15.000.000.000	-
1.1. <i>Vay ngắn hạn</i>	312		15.000.000.000	-
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	8.050.000.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320		967.269.530	404.244.067
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.15	7.287.069.744	2.835.926.128
5. Phải trả người lao động	323		1.521.320.000	713.967.677
6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		845.000	-
7. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.16	12.369.898.064	1.085.085.614
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.17	19.240.262.143	1.660.426.312
II. Nợ phải trả dài hạn	340		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		271.250.019.999	56.884.409.858
I. Vốn chủ sở hữu	410		271.250.019.999	56.884.409.858
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.18	400.000.000.000	290.000.000.000
1.1. <i>Vốn góp của chủ sở hữu</i>	411.1		400.000.000.000	240.000.000.000
a. <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	411.1a		400.000.000.000	240.000.000.000
1.2. <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	411.2		-	50.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.19	(128.749.980.001)	(233.115.590.142)
2.1 <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>	417.1		(132.214.676.633)	(231.299.350.642)
2.2 <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>	417.2		3.464.696.632	(1.816.239.500)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		327.636.684.480	71.634.059.656

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.20a	411.003.105.849	529.579.163
2. Cổ phiếu đang lưu hành	006	V.18	40.000.000	24.000.000
3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	V.20b	624.970.000	19.806.970.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	V.20c	3.000.000.000	3.000.000.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	V.20d	1.782.590.610.000	1.175.217.350.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		948.781.920.000	757.731.600.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		832.626.290.000	416.911.450.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.182.400.000	574.300.000
2. Tiền gửi của khách hàng	026		29.627.572.793	12.270.969.020
2.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027	V.20e	13.427.572.793	12.270.969.020
2.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	030	V.20f	16.200.000.000	-
3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.20g	13.427.572.793	12.270.969.020
3.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		13.317.515.503	12.209.825.528
3.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		110.057.290	61.143.492
4. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	032	V.20h	16.200.000.000	-
5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	V.20i	1.620.849.159	1.620.849.159

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MÃU B02-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		2.162.637.279	4.654.762.055
<i>a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	01.1	VI.1	187.775.781	3.126.614.196
<i>b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	01.2	VI.2	1.933.877.898	681.878.359
<i>c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	01.3	VI.3	40.983.600	846.269.500
1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	VI.3	2.001.390.379	1.592.574.101
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	VI.3	35.173.288	75.955.770
1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.4	1.016.008.565	9.027.213.952
1.5. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	VI.4	320.000.000	4.660.000.000
1.6. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08	VI.4	58.880.779	-
1.7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.4	12.334.324.736	399.837.772
1.8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.4	155.253.700.000	84.673
1.9. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.4	172.000.000	178.000.000
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)	20		173.354.115.026	20.588.428.323
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		1.296.970.229	10.353.318.505
<i>a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	21.1	VI.1	1.227.706.039	7.760.098.117
<i>b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL</i>	21.2	VI.2	69.264.190	2.593.220.388
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24		-	378.422.832.026
2.3. Chi phí hoạt động tự doanh	26	VI.5	294.419.903	1.191.613.120
2.4. Chi phí môi giới chứng khoán	27	VI.5	3.502.145.610	7.440.227.643
2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.5	452.944.585	578.185.830
2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	VI.5	101.801.697.665	24.000.000
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)	40		107.348.177.992	398.010.177.124
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.6	270.154.635	329.469.985
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	50		270.154.635	329.469.985
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52	VI.7	78.778.526	1.191.781
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	60		78.778.526	1.191.781
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.8	22.739.825.619	8.805.005.755
VII KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)	70		43.457.487.524	(385.898.476.352)

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo kết quả hoạt động (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
VIII THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			-	-
8.1. Thu nhập khác	71		7.491.800.193	375.299.974.977
8.2. Chi phí khác	72		-	63.499.394
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)	80	VI.9	7.491.800.193	375.236.475.583
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	90		50.949.287.717	(10.662.000.769)
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		49.084.674.009	(8.750.658.740)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		1.864.613.708	(1.911.342.029)
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		(3.416.322.424)	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.10	-	-
10.2. Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.11	(3.416.322.424)	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		54.365.610.141	(10.662.000.769)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300			
Tổng thu nhập (lỗ) toàn diện khác	400		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	VI.12a	1.458	(444)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	502	VI.12b	1.458	(444)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOẢN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B03b-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHI TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp	01		50,949,287,717	(10,662,000,769)
2. Điều chỉnh cho các khoản:	02		(415,687,136,270)	377,983,441,571
- Khấu hao TSCĐ	03		696,401,290	300,093,649
- Các khoản dự phòng	04		(416,462,316,086)	377,893,252,862
- Chi phí lãi vay	06		78,778,526	1,191,781
- (Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	07		-	50,437,525
- Dự thu tiền lãi	08		-	(261,534,246)
3. Tăng các chi phí phi tiền tệ	10		69,264,190	2,593,220,388
Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	11		69,264,190	
				2,593,220,388
4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ	18		(1,933,877,898)	(681,878,359)
Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	19		(1,933,877,898)	
				(681,878,359)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30		294,283,324,224	(748,624,517,030)
- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	31		18,037,994,158	96,048,721
- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	32		15,000,000,000	5,000,000,000
- Tăng (giảm) các khoản cho vay	33		(1,351,380,509)	1,738,320,035
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		37,510,206,284	3,450,000,000
- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		261,534,246	
				916,239,441
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	37		7,111,786,066	
				(8,180,813,898)
- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác	39		333,945,126,287	(378,947,463,402)
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(136,063,238,945)	(148,661,922)
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		3,205,223,409	(372,293,440,546)
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(6,126,713,420)	(1,320,019,109)
- (-) Lãi vay đã trả	44	VII	(49,189,485)	(1,191,781)
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(34,200,637)	990,000
- Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	46		845,000	-
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm chi phí lãi vay phải trả)	47	VII		
			4,448,143,616	1,492,181,743
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		807,352,323	709,497,034
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		17,579,835,831	(1,136,203,346)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	60		(72,319,138,037)	(379,391,734,199)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	61	VII	(4,810,341,100)	(407,340,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		-	
				30,000,000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	70		(4,810,341,100)	(377,340,000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhân vốn góp của chủ sở hữu	71		160,000,000,000	-
2. Tiền vay gốc	73		15,000,000,000	5,000,000,000
2.1 Tiền vay khác	73.2		15,000,000,000	5,000,000,000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	74		-	(5,000,000,000)
3.1 Tiền chi trả gốc nợ vay khác	74.3		-	(5,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	80		175,000,000,000	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	90		97,870,520,863	(379,769,074,199)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	101	V.1	19,245,318,486	399,014,392,685
- Tiền	101.1		1,145,318,486	2,114,392,685
- Các khoản tương đương tiền	101.2		18,100,000,000	396,900,000,000
V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	103	V.1	117,115,839,349	19,245,318,486
- Tiền	103.1		117,115,839,349	1,145,318,486
- Các khoản tương đương tiền	103.2		-	18,100,000,000

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		223.057.325.600	759.777.556.900
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(278.965.105.300)	(523.382.672.500)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		486.242.051.804	276.933.825.962
4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(428.735.843.595)	(523.805.320.766)
5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	11		(441.824.736)	(320.027.714)
6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		2.409.227.233.089	-
7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(2.393.027.233.089)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	20		17.356.603.773	(10.796.638.118)
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng	30		12.270.969.020	23.067.607.138
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:	31		12.270.969.020	23.067.607.138
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	V.20e	12.270.969.020	23.067.607.138
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		29.627.572.793	12.270.969.020
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:	41		29.627.572.793	12.270.969.020
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	V.20e	13.427.572.793	12.270.969.020
Trong đó có kỳ hạn:			-	-
- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	45	V.20f	16.200.000.000	-

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

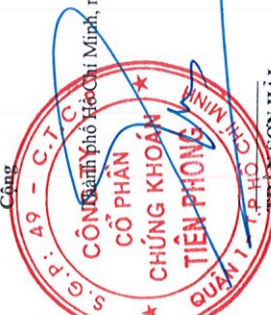
Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm		Số cuối năm		MÃU B04-CTCK Đơn vị tính: VND
		Năm trước	Năm nay	Tăng	Giảm	Năm trước	Năm nay	
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
V.18		290.000.000.000	290.000.000.000	-	160.000.000.000	290.000.000.000	400.000.000.000	
1.1. <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		240.000.000.000	240.000.000.000	-	160.000.000.000	240.000.000.000	400.000.000.000	
1.1.1. <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	
1.1.2. <i>Thặng dư vốn cổ phần</i>		1.047.890.198	-	-	(50.000.000.000)	-	-	
2. <i>Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ</i>		-	-	(1.047.890.198)	-	-	-	
3. <i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>		(222.453.589.373)	(233.115.590.142)	-	104.365.610.141	(233.115.590.142)	(128.749.980.001)	
3.1. <i>Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện</i>		(222.548.691.902)	(231.299.350.642)	-	(8.750.658.740)	(231.299.350.642)	(132.214.676.633)	
3.2. <i>Lợi nhuận chưa thực hiện</i>		95.102.529	(1.816.239.500)	-	5.280.936.132	(1.816.239.500)	3.464.696.632	
Cộng		68.594.300.825	56.884.409.858	(11.709.890.967)	264.365.610.141	56.884.409.858	271.250.019.999	
II. Thu nhập toàn diện khác								
Cộng								



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020

TRẦN SƠN HẢI
 Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
 Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
 Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-CTCK

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong tên tiếng Anh là Tien Phong Securities Corporation, tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp điều chỉnh các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi như sau:

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giấy phép điều chỉnh số 30/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 11 năm 2014, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Phan Vũ Tuấn, chức danh Chủ tịch HĐQT.
- Giấy phép điều chỉnh số 46/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2015, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 14, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 12/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Quỳnh Trang, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.
- Giấy phép điều chỉnh số 90/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 10 năm 2018, chuẩn y việc dời trụ sở về Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giấy phép điều chỉnh số 07/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 01 năm 2019, chuẩn y việc rút nghiệp vụ kinh doanh tự doanh chứng khoán.
- Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 3 năm 2019, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Chủ tịch Ban Tổng Giám đốc.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019, chuẩn y việc các việc sau:
 - ✓ Thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông” thành “Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong”.
 - ✓ Tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND.

Cổ phiếu ORS của Công ty hủy niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định số 125/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Vào ngày 10 tháng 4 năm 2019, cổ phiếu ORS của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 183/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường đăng ký giao dịch (UPCom) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ vào ngày 17 tháng 4 năm 2019 theo Thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội số 376/TB-SGDHN ngày 10 tháng 4 năm 2019.

- **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND
- **Vốn điều lệ** : 400.000.000.000 VND
 - Số cổ phiếu : 40.000.000 cổ phiếu
 - Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- **Trụ sở hoạt động**
 - Địa chỉ : Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại : (84-028) 3911 8014
 - Fax : (84-028) 3911 8015
 - Mã số thuế : 0304814339

2. Ngành, nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
 - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
 - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
 - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
 - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
 - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
 - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
 - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
 - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);
 - c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.
- 6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018. Một số số liệu so sánh của Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được phân loại lại (xem chi tiết tại Thuyết minh số VIII.5).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 64 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 18 người).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 thuộc kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

4. Tài sản tài chính

a) Phân loại tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại dựa trên bản chất và mục đích sở hữu vào ngày mua, bao gồm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính FVTPL bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL phát sinh sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên chỉ tiêu “Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch tăng, hoặc trên chỉ tiêu “Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL” nếu chênh lệch giảm.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phát sinh có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ các tài sản tài chính phi phát sinh đã được phân loại vào nhóm tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, tài sản tài chính sẵn sàng để bán hoặc nhóm tài sản tài chính phi phát sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau khi ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính đó trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc xác định, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành áp dụng cho Công ty chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của khoản cho vay trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

b) Đánh giá lại các tài sản tài chính

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc chấp nhận. Cụ thể:

- Giá trị thị trường của các chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày Báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị ghi sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá chứng khoán.

c) Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - + Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản; hoặc

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn chưa được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu bao gồm phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí cung cấp dịch vụ môi giới, tư vấn cho nhà đầu tư, lãi dự thu về dịch vụ tài chính, và các khoản phải thu về dịch vụ khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng Công ty thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế đã phá, đã mở thủ tục pháp sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Công ty yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Công ty khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

6. Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các hợp đồng mua lại

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phân chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị văn phòng	3

8. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị phần mềm tin học là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm tin học vào sử dụng. Các phần mềm tin học được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

9. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận khoản thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 5 năm vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng, bao gồm: chi phí cải tạo văn phòng, chi phí thuê đường truyền dẫn, chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Các khoản vay

Các khoản vay được công bố và trình bày theo giá gốc tại ngày Báo cáo tài chính.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh khoản tiền ký quỹ Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán với Sở Giao dịch chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán còn bao gồm các khoản trả phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán và các khoản phải trả khác.

13. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu từ phát hành cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn

Doanh thu từ đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của CTCK (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu cổ tức cổ phiếu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

Doanh thu tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

16. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động bao gồm lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, chi phí hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chi phí dự phòng tài sản tài chính, chi phí đi vay, lỗ từ các khoản cho vay và phải thu và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản thuộc danh mục đầu tư Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán, bao gồm: các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay và phải thu

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong năm khi phát sinh.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí hoạt động tự doanh

Chi phí hoạt động tự doanh phản ánh các chi phí hoạt động của Công ty chứng khoán phát sinh khi tự tiến hành các dịch vụ mua bán các chứng khoán cho chính mình bằng nguồn vốn của chính Công ty chứng khoán.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh và phương pháp đích danh để tính giá vốn trái phiếu.

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

17. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

18. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

20. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	117.115.839.349	1.145.318.486
Tiền mặt tại quỹ	35.089.065	11.588.733
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	117.080.750.284	1.133.729.753
Các khoản tương đương tiền	-	18.100.000.000
Cộng	117.115.839.349	19.245.318.486

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a) Cửa CTCK	1.918.200	16.998.063.900
Cổ phiếu	1.918.200	16.998.063.900
b) Cửa Nhà đầu tư	51.957.286	534.036.416.800
Cổ phiếu	51.957.286	534.036.416.800
Cộng	53.875.486	551.034.480.700

3. Các loại tài sản tài chính

a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	812.626.112	861.000.320	18.850.620.270	17.034.380.770
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	859.020.000	1.170.000.000	1.215.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	-	-	2.922.166.795	2.770.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	-	-	2.877.000.000	2.380.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	5.812.227.363	4.538.400.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	-	-	4.740.000.000	4.800.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	1.320.000.000	1.329.000.000
Các công ty khác	9.226.112	1.980.320	9.226.112	1.980.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vĩnh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.812.626.112	3.861.000.320	21.850.620.270	20.034.380.770

b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bản Việt	-	15.000.000.000
Cộng	-	15.000.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**c) Các khoản cho vay**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.426.380.509	1.426.380.509	75.000.000	75.000.000
Cộng	1.426.380.509	1.426.380.509	75.000.000	75.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

d) Tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá trị trường cuối kỳ

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị đánh giá lại	Giá trị đánh giá lại				
	Giá trị mua	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý kỳ này	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm		
Tài sản tài chính FVTPL	3.812.626.112	3.861.000.320	56.142.993	(7.768.785)	3.861.000.320	21.850.620.270	20.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	20.034.380.770
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	812.626.112	861.000.320	56.142.993	(7.768.785)	861.000.320	18.850.620.270	17.034.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	17.034.380.770
Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Phú Thọ	803.400.000	859.020.000	55.620.000	-	859.020.000	1.170.000.000	1.215.000.000	45.000.000	-	1.215.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh	-	-	-	-	-	2.877.000.000	2.380.000.000	-	(497.000.000)	2.380.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	-	-	-	-	-	5.812.227.363	4.538.400.000	-	(1.273.827.363)	4.538.400.000
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	-	-	-	-	-	4.740.000.000	4.800.000.000	60.000.000	-	4.800.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	-	-	-	-	-	2.922.166.795	2.770.000.000	-	(152.166.795)	2.770.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	-	-	-	-	1.320.000.000	1.329.000.000	9.000.000	-	1.329.000.000
Các công ty khác	9.226.112	1.980.320	522.993	(7.768.785)	1.980.320	9.226.112	1.980.770	395.293	(7.640.635)	1.980.770
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Ô tô Vinh Long	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
Các khoản đầu tư HTM	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	-	-	-	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Các khoản cho vay	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	1.426.380.509	75.000.000	75.000.000	-	-	75.000.000
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	1.426.380.509	75.000.000	75.000.000	-	-	75.000.000
Cộng	5.239.006.621	5.287.380.829	56.142.993	(7.768.785)	5.287.380.829	36.925.620.270	35.109.380.770	114.395.293	(1.930.634.793)	35.109.380.770

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải thu bán các tài sản tài chính	-	37.510.206.284
Phải thu hợp đồng hỗ trợ thanh toán (i) (iv)	-	37.510.206.284
<i>Trong đó, các khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5a)</i>	-	37.510.206.284
b) Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	-	261.534.246
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	-	261.534.246
c) Trả trước cho người bán	748.752.200	-
d) Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.620.427.667	9.732.213.733
Phải thu hoạt động dịch vụ	4.927.667	5.220.113.733
Phải thu dịch vụ khác	2.615.500.000	4.512.100.000
e) Các khoản phải thu khác	45.006.983.515	378.952.109.802
Công ty TNHH Hoàng Cầu Việt - Úc (ii)	40.000.000.000	-
Bà Phạm Thị Thoa (ii)	5.000.000.000	-
Bà Huỳnh Thị Huyền Như (iii) (iv)	-	378.952.109.802
Các khoản phải thu khác	6.983.515	-
<i>Trong đó, khoản phải thu không có khả năng thu hồi (xem Thuyết minh số V.5b)</i>	-	378.952.109.802
Cộng	<u>48.376.163.382</u>	<u>426.456.064.065</u>

- (i) Khoản phải thu theo các Hợp đồng giao dịch mua và cam kết bán lại cổ phiếu đã phát sinh và quá hạn từ các năm trước. Công ty đã trích lập 100% các khoản phải thu này do không có khả năng thu hồi.
- (ii) Phải thu lại tiền thanh lý các hợp đồng hợp tác kinh doanh không thực hiện với Công ty TNHH Hoàng Cầu Việt - Úc và bà Phạm Thị Thoa.
- (iii) Khoản phải thu liên quan đến vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như mà Ngân hàng TMCP Tiên Phong đã thực hiện gửi tiền tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thông qua Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (là Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong trước đây) với số tiền là 380.000.000.000 VND.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, TAND cao cấp tại thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án phúc thẩm theo Bản án số 219/2018/HS-PT bị cáo bà Huỳnh Thị Huyền Như tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và có trách nhiệm bồi thường cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông số tiền 380.000.000.000 VND. Trong năm 2018, Công ty đã quyết định sử dụng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ với số tiền là 1.047.890.198 VND để bù đắp khoản thiệt hại của khoản tiền gửi này, số tiền còn lại sau khi bù đắp bằng Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ là 378.952.109.802 VND đã được trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho khoản phải thu này (xem Thuyết minh số V.5b).

- (iv) Trong năm, Công ty thực hiện việc xóa nợ tất cả các khoản phải thu đã lâu, không thu hồi được đã được trích lập dự phòng (xem thêm Thuyết minh số V.5).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIẾN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (xem chi tiết ở Thuyết minh số V.4)

	Giá trị phải thu khó đòi	Tham chiếu	Số cuối năm			Số đầu năm
			Số trích lập trong năm	Số xóa nợ trong năm	Số cuối năm	
a) Dự phòng khó đòi phải thu bán các tài sản tài chính	-	V.4a	-	37.510.206.284	37.510.206.284	
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	-		-	37.510.206.284	37.510.206.284	
b) Dự phòng khó đòi phải thu khác	-	V.4e	-	378.952.109.802	378.952.109.802	
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	-		-	378.952.109.802	378.952.109.802	
Cộng	-		-	416.462.316.086	416.462.316.086	

Công ty thực hiện việc xóa nợ tất cả các khoản phải thu đã lâu, không thu hồi được đã được trích lập dự phòng từ các năm trước với tổng giá trị là 416.462.316.086 VND theo Tờ trình số 05/2019/TT-HĐQT ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 01/2019/NQ-DHĐCĐTN ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số 01/2019/BBH-DHĐCĐTN ngày 26 tháng 4 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tạm ứng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	134.761.567.327	32.400.000
Cộng	134.761.567.327	32.400.000

Tạm ứng là các bên liên quan:

Bà Bùi Thị Thanh Trà	25.000.000.000	-
Bà Võ Thị Xuân Lan	25.750.000.000	-
Cộng	50.750.000.000	-

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn	1.545.181.514	286.772.891
Chi phí thuê đường truyền dẫn	103.474.479	34.557.300
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	46.703.331	9.827.550
Các chi phí khác	1.395.003.704	242.388.041
b) Dài hạn	6.871.378.972	2.003.074.175
Chi phí cải tạo văn phòng	5.408.120.891	1.377.828.811
Chi phí vật dụng văn phòng	1.271.503.942	269.412.145
Chi phí thuê đường truyền dẫn	26.088.859	193.333.219
Các chi phí khác	165.665.280	162.500.000
Cộng	8.416.560.486	2.289.847.066

8. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

a) Ngắn hạn	20.000.000	-
Ký quỹ máy photocopy	15.000.000	-
Ký quỹ thuê kho	5.000.000	-
b) Dài hạn	1.492.116.185	306.387.800
Ký quỹ thuê văn phòng	1.484.116.185	298.387.800
Các khoản ký quỹ, ký cược khác	8.000.000	8.000.000
Cộng	1.512.116.185	306.387.800

9. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	270.600.000	940.454.545	3.494.699.984	4.705.754.529
Tăng trong năm	3.620.815.000	-	49.350.000	3.670.165.000
Mua sắm mới	3.620.815.000	-	49.350.000	3.670.165.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	3.891.415.000	940.454.545	3.544.049.984	8.375.919.529
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	22.550.000	666.155.314	3.494.699.984	4.183.405.298
Tăng trong năm	492.945.116	156.742.428	14.393.750	664.081.294

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Khấu hao trong năm	492.945.116	156.742.428	14.393.750	664.081.294
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	515.495.116	822.897.742	3.509.093.734	4.847.486.592
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	248.050.000	274.299.231	-	522.349.231
Số cuối năm	3.375.919.884	117.556.803	34.956.250	3.528.432.937

Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 3.494.699.984 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 3.494.699.984 VND).

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị các phần mềm giao dịch chứng khoán, phần mềm kế toán của Công ty, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá	7.174.617.564	7.174.617.564
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.131.524.216)	7.099.204.220
Giá trị còn lại	43.093.348	75.413.344

Nguyên giá của phần mềm giao dịch chứng khoán bao gồm phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 7.013.017.564 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 7.013.017.564 VND).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nâng cấp hệ thống lõi chứng khoán

InvestExp V4.0

Cộng

1.125.390.000	136.740.000
1.125.390.000	136.740.000

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập Báo cáo tài chính:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.803.098.004	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	13.852.838	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	3.789.245.166	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(386.775.580)	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	(386.775.580)	-
	3.416.322.424	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 18.946.225.828 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 3.789.245.166 VND theo khoản lỗ trên.

Lợi ích từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm	Các khoản lỗ tính thuế
2022	10.354.835.638
2023	8.591.390.190
Cộng	18.946.225.828

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	4.002.203.153	3.660.493.058
Tiền lãi phân bổ	128.343.233	219.394.377
Tiền lãi nhận được	(199.728.173)	(77.412.455)
Cộng	4.050.818.213	3.922.474.980

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn Công ty Cổ phần Khải Huy Quân	8%	-	15.000.000.000	-	15.000.000.000
Cộng		-	15.000.000.000	-	15.000.000.000

Vay ngắn hạn 1 tháng Công ty Cổ phần Khải Huy Quân theo Hợp đồng vay số 1812/HĐV/KHQ-TPS/2019 ngày 18 tháng 12 năm 2019, số tiền vay là 15.000.000.000 VND. Khoản vay này chịu lãi suất 8%/năm.

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
Thuế GTGT đầu ra	10.351.067	16.504.866	14.730.019	12.125.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.825.575.061	12.409.787.618	7.960.418.849	7.274.943.830
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ nhà đầu tư	2.542.399.234	4.816.464.465	4.553.207.718	2.805.655.981
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	283.175.827	7.593.323.153	3.407.211.131	4.469.287.849
Các loại thuế khác	-	3.000.000	6.000.000	(3.000.000)
Thuế môn bài	-	3.000.000	6.000.000	(3.000.000)
Cộng	2.835.926.128	12.429.292.484	7.981.148.868	7.284.069.744

Trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính

Thuế phải thu	-	3.000.000
Thuế phải nộp	2.835.926.128	7.287.069.744

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế giá trị gia tăng**
Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
Thuế suất áp dụng
 - Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - Hoạt động khác chịu thuế suất 10%
- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.10
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp thuế môn bài hàng năm theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động môi giới	12.000.000.000	-
Phí giao dịch, lưu ký	108.202.441	65.413.006
Chi phí lãi vay	29.589.041	-
Các chi phí khác	232.106.582	1.019.672.608
Cộng	12.369.898.064	1.085.085.614

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

Phải trả cổ tức, trái tức	1.640.261.659	1.640.261.659
Phải trả cổ tức cho cổ đông Công ty	19.412.500	19.412.500
Phải trả hộ cổ tức cổ phiếu chưa niêm yết	1.620.849.159	1.620.849.159
Phải trả tiền mua hộ trái phiếu	17.600.000.484	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	20.164.653
Cộng	19.240.262.143	1.660.426.312

18. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp	400.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần (xem Thuyết minh số V.19)	-	50.000.000.000
Cộng	400.000.000.000	290.000.000.000

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	40.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu phổ thông	40.000.000	24.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình tăng vốn

Trong năm, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 240.000.000.000 VND lên 400.000.000.000 VND từ việc phát hành 16.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ kinh doanh và cải thiện các chỉ tiêu an toàn tài chính. Công ty đã hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu vào ngày 4 tháng 3 năm 2019 và đã nhận được Giấy phép điều chỉnh số 24/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019.

Tình hình sử dụng vốn

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, toàn bộ vốn thu được 160.000.000.000 VND từ việc phát hành 16.000.000 cổ phiếu riêng lẻ cho các nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu đã sử dụng vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. Lợi nhuận chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lỗ lũy kế đầu năm	(233.115.590.142)	(222.453.589.373)
Giảm lỗ từ thặng dư vốn cổ phần (i)	50.000.000.000	-
Lợi nhuận (lỗ) đã thực hiện trong năm	49.084.674.009	(8.750.658.740)
Lợi nhuận (lỗ) chưa thực hiện trong năm	5.280.936.132	(1.911.342.029)
Lỗ lũy kế cuối năm	<u>(128.749.980.001)</u>	<u>(233.115.590.142)</u>

- (i) Trong năm, Công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để bù cho phần lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế) nhằm giảm lỗ lũy kế với số tiền là 50.000.000.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 01 năm 2019 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019.

20. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a) Nợ khó đòi đã xử lý

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi đến hạn	488.049.164	488.049.164
Phải thu các cá nhân theo hợp đồng hỗ trợ thanh toán	37.510.206.284	-
Phải thu khác khó đòi - Vụ án bà Huỳnh Thị Huyền Như	372.963.320.402	-
Phải thu khác khó đòi	41.529.999	41.529.999
Cộng	<u>411.003.105.849</u>	<u>529.579.163</u>

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán (VSD) của CTCK (theo mệnh giá)		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Sàn HOSE	618.670.000	18.900.670.000
Sàn Upcom	6.300.000	906.300.000
Cộng	624.970.000	19.806.970.000
c) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK		
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	3.000.000.000	3.000.000.000
d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	948.781.920.000	757.731.600.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	832.626.290.000	416.911.450.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.182.400.000	574.300.000
Cộng	1.782.590.610.000	1.175.217.350.000
e) Tiền gửi của Nhà đầu tư		
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	13.427.572.793	12.270.969.020
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>13.317.515.503</i>	<i>12.209.825.528</i>
<i>Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý</i>	<i>110.057.290</i>	<i>61.143.492</i>
Cộng	13.427.572.793	12.270.969.020
f) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	16.200.000.000	-
Cộng	16.200.000.000	-
g) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	13.317.515.503	12.209.825.528
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	110.057.290	61.143.492
Cộng	13.427.572.793	12.270.969.020

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

h) Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán h	16.200.000.000	-
Cộng	<u>16.200.000.000</u>	<u>-</u>

i) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	<u>1.620.849.159</u>	<u>1.620.849.159</u>
---	----------------------	----------------------

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND						
1.	Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL					
Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này
I.	Lãi bán					Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
	<i>Năm nay</i>					
	BCG	651.260		6.678.447.100	6.490.671.319	187.775.781
	DSP	411.050	6.054	2.488.601.100	2.402.313.319	86.287.781
	HNG	28.200	13.473	379.930.000	366.600.000	13.330.000
	GEX	152.010	16.117	2.449.916.000	2.401.758.000	48.158.000
		60.000	22.667	1.360.000.000	1.320.000.000	40.000.000
	<i>Năm trước</i>	649.488		13.102.739.700	9.976.125.504	3.126.614.196
	BTT	10	34.750	347.500	327.500	20.000
	DIG	30	17.950	538.500	278.833	259.667
	DSP	10.000	14.000	140.000.000	130.000.000	10.000.000
	DXG	100.000	30.150	3.015.000.000	1.710.247.000	1.304.753.000
	HAG	20.000	6.260	125.200.000	124.994.138	205.862
	HNG	150.000	14.087	2.113.005.500	1.593.750.000	519.255.500
	HPG	20.000	58.750	1.175.007.000	610.000.000	565.007.000
	MAC	32	6.400	204.800	107.500	97.300
	NHC	10	32.000	320.000	-	320.000
	SIC	66	11.400	752.400	305.100	447.300
	STB	300.000	13.708	4.112.500.000	3.509.000.000	603.500.000
	STC	30	21.300	639.000	420.000	219.000
	VPB	49.310	49.062	2.419.225.000	2.296.695.433	122.529.567
	Cộng					
					187.775.781	3.126.614.196

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm này	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước
II. Lỗ bán							
<i>Năm nay</i>		1.266.940		10.319.616.800	11.547.322.839	(1.227.706.039)	-
BCG		88.950	5.614	499.347.800	519.853.476	(20.505.676)	-
DXG		100.000	24.950	2.495.000.000	2.877.000.000	(382.000.000)	-
HAG		930.000	5.379	5.002.826.000	5.812.227.363	(809.401.363)	-
HNG		147.990	15.693	2.322.443.000	2.338.242.000	(15.799.000)	-
<i>Năm trước</i>		600.973		15.988.987.300	23.749.085.417		(7.760.098.117)
GMD		50.000	28.760	1.437.994.000	2.199.750.000	-	(761.756.000)
HAG		50.000	6.760	338.000.000	372.523.750	-	(34.523.750)
SD9		140.000	8.322	1.165.060.000	1.386.980.000	-	(221.920.000)
VPB		100.690	46.114	4.643.181.000	4.689.804.567	-	(46.623.567)
PVC		100.000	7.347	734.680.000	1.263.500.000	-	(528.820.000)
SD7		89	3.000	267.000	1.400.267	-	(1.133.267)
QNC		124	3.400	421.600	1.713.500	-	(1.291.900)
CSM		50	16.000	800.000	1.182.235	-	(382.235)
BMC		10	14.400	144.000	197.916	-	(53.916)
HAI		10	3.270	32.700	68.182	-	(35.482)
CTD		40.000	153.598	6.143.907.000	8.353.172.000	-	(2.209.265.000)
HDB		120.000	37.704	4.524.500.000	5.478.793.000	-	(954.293.000)
Điều chỉnh giảm doanh thu bán cổ phiếu OTC-DVCIMIN					(3.000.000.000)		(3.000.000.000)
Cộng					(1.227.706.039)	(1.227.706.039)	(7.760.098.117)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

Stt	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo số kế toán	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại năm nay	Chênh lệch đánh giá lại năm trước	Chênh lệch điều chỉnh số kế toán năm nay	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm
I	Loại FVTPL	3.812.626.112	3.861.000.320	48.374.208	(1.816.239.500)	1.864.613.708	1.933.877.898	(69.264.190)
1	Cổ phiếu niêm yết	812.626.112	861.000.320	48.374.208	(1.816.239.500)	1.864.613.708	1.933.877.898	(69.264.190)
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-
II	Các khoản cho vay	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	-	-	-
	Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	1.426.380.509	1.426.380.509	-	-	-	-	-
	Cộng	5.239.006.621	5.287.380.829	48.374.208	(1.816.239.500)	1.864.613.708	1.933.877.898	(69.264.190)

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	40.983.600	846.269.500
Từ các khoản đầu tư HTM	2.001.390.379	1.592.574.101
Từ các khoản cho vay	35.173.288	75.955.770
Cộng	2.077.547.267	2.514.799.371

4. Doanh thu ngoài thu nhập TSTC

Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	1.016.008.565	9.027.213.952
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	320.000.000	4.660.000.000
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	58.880.779	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	12.334.324.736	399.837.772
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	155.253.700.000	84.673
Doanh thu khác	172.000.000	178.000.000
Cộng	169.154.914.080	14.265.136.397

5. Chi phí các dịch vụ

Chi phí hoạt động tự doanh	294.419.903	1.191.613.120
Chi phí môi giới chứng khoán	3.502.145.610	7.440.227.643
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	452.944.585	578.185.830
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	101.801.697.665	24.000.000
Cộng	106.051.207.763	9.234.026.593

6. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	270.154.635	329.469.985
Cộng	270.154.635	329.469.985

7. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí lãi vay	78.778.526	1.191.781
Cộng	78.778.526	1.191.781

8. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

Chi phí lương và các khoản khác theo lương	12.046.552.239	5.104.590.084
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	939.279.370	381.374.406
Chi phí vật tư, đồ dùng văn phòng	99.538.934	8.092.862
Chi phí công cụ, dụng cụ	574.266.784	418.926.421
Chi phí khấu hao TSCĐ	630.306.991	177.237.462
Chi phí thuế, phí và lệ phí	14.766.233	3.205.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.702.005.295	2.319.375.392
Chi phí khác	3.733.109.773	392.203.572
Cộng	22.739.825.619	8.805.005.755

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lợi nhuận khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	7.491.800.193	375.299.974.977
Doanh thu cho thuê xe	-	26.143.636
Nhận bồi thường từ công nợ đã xử lý	5.988.789.400	-
Xử lý công nợ	1.500.000.000	375.273.831.341
Thu nhập khác	3.010.793	-
Chi phí khác	-	63.499.394
Chi phí nhượng bán, thanh lý CCDC	-	50.437.525
Chi phí cho thuê xe	-	13.061.869
Lợi nhuận khác thuần	7.491.800.193	375.236.475.583

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50.939.287.717	(10.662.000.769)
Điều chỉnh lợi nhuận kế toán:	(1.232.113.708)	3.450.610.579
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	701.764.190	4.132.488.938
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(1.933.877.898)	(681.878.359)
Trừ: Chuyển lỗ	(49.707.174.009)	-
Tổng thu nhập chịu thuế	-	(7.211.390.190)
Thuế suất áp dụng	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ do Công ty không có thu nhập chịu thuế sau khi đã thực hiện chuyển lỗ.

11. Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại vào Báo cáo kết quả hoạt động cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và kỳ kế toán năm trước như sau:

Các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	(18.946.225.828)	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	(69.264.190)	-
Chênh lệch tăng đánh giá lại các TSTC FVTPL	1.933.877.898	-
Chi phí (thu nhập) tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(17.081.612.120)	-
Thuế suất áp dụng	20%	-
Chi phí (thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(3.416.322.424)	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.365.610.141	(10.662.000.769)
Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.365.610.141	(10.662.000.769)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.282.192	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.458	(444)

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	54.365.610.141	(10.662.000.769)
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	54.365.610.141	(10.662.000.769)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.282.192	24.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	37.282.192	24.000.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.458	(444)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay phải trả	29.589.041	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các giao dịch bằng tiền ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả trước tiền mua sắm tài sản	151.526.100	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trong vòng 1 năm	6.153.156.810	647.468.640
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	17.660.503.842	2.315.779.502
Trên 5 năm	-	-
Cộng	23.813.660.652	2.963.248.142

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 350 m2 tại phòng 404-405, lầu 4 số 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty Cổ phần Ngoại thương và Phát triển Đầu tư Đại ốc Châu Lục theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 76/2019/HĐKT/FIDECOLAND-TPS ngày 25 tháng 6 năm 2019 được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2019.
- Tổng số tiền thuê 160 m2 tại 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh của bà Huỳnh Mỹ Thanh theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 16072018/HĐ-ORS ngày 16 tháng 7 năm 2018 được ký với thời hạn 54 tháng tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.
- Tổng số tiền thuê 274 m2 tại tầng 12 Tòa nhà DOJ Tower số 5 Lê Duẩn, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vàng bạc đá quý DOJ theo Hợp đồng thuê mặt bằng số 691/2019/HĐT/TPS-DOJI ngày 6 tháng 9 năm 2019 được ký với thời hạn 36 tháng tính từ ngày 16 tháng 10 năm 2019.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

Các bên liên quan

Bà Trần Thanh Hương
Ông Nguyễn Đình Ngôn
Ông Nguyễn Thế Trung
Bà Bùi Thị Thanh Trà
Bà Võ Thị Xuân Lan

Mối quan hệ

Trưởng Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Giám đốc Khối Ngân hàng đầu tư
Giám đốc Khối dịch vụ Chứng khoán

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ		
Bà Trần Thanh Hương	55.000.000	-
Ông Nguyễn Đình Ngôn	70.000.000.000	-

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Thế Trung	80.048.219.100	-
Bà Bùi Thị Thanh Trà	90.000.000.000	-
Bà Võ Thị Xuân Lan	138.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ</i>		
Bà Bùi Thị Thanh Trà	25.000.000.000	-
Bà Võ Thị Xuân Lan	25.750.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập	3.809.722.601	1.789.771.079

3. Báo cáo theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc tập trung việc quản lý và đánh giá hiệu quả hoạt động trên khía cạnh toàn Công ty và chưa tiến hành xem xét và đánh giá theo từng bộ phận kinh doanh. Đồng thời, các doanh thu của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trình bày thông tin theo bộ phận là không cần thiết.

4. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay bao gồm các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế))

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính FVTPL, các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay, các khoản phải thu, phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp, các khoản phải thu khác và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.115.839.349	19.245.318.486
Các tài sản tài chính FVTPL	3.861.000.320	20.034.380.770

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	15.000.000.000
Các khoản cho vay	1.426.380.509	75.000.000
Các khoản phải thu	47.627.411.182	9.993.747.979
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1.512.116.185	306.387.800
Cộng	<u>171.542.747.545</u>	<u>64.654.835.035</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	967.269.530	404.244.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.050.000.000
Chi phí phải trả	12.369.898.064	375.486.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.240.262.143	1.660.426.312
Cộng	<u>32.577.429.737</u>	<u>10.490.156.991</u>

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này cũng như đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về yếu tố của các công cụ tài chính trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày Báo cáo tài chính là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá của các công cụ tài chính (giá của cổ phiếu, giá của các tài sản tài chính,...) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quản lý về rủi ro giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,...

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 861.000.320 VND. Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng/giảm khoảng 86.100.032 VND phụ thuộc vào việc tăng/giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu, các khoản cho vay) và hoạt động tài chính (chủ yếu là tiền gửi ngân hàng).

Các khoản phải thu

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Các khoản cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng

Rủi ro tín dụng khách hàng dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến qui trình cho vay ứng trước khách hàng. Công ty thực hiện đánh giá và thẩm định khách hàng để xác định hạn mức tín dụng trước khi ký kết các hợp đồng ứng trước cho khách hàng cũng như định kỳ kiểm tra tình hình tài chính của khách hàng vay để các điều chỉnh phù hợp về hạn mức tín dụng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng tất cả các khoản cho vay ứng trước khách hàng đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này điều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được xếp hạng tín dụng cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi bộ phận nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	117.115.839.349	-	-	117.115.839.349
Các tài sản tài chính FVTPL	3.861.000.320	-	-	3.861.000.320
Các khoản cho vay	1.426.380.509	-	-	1.426.380.509
Các khoản phải thu cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	1.512.116.185	-	1.512.116.185
Cộng	170.030.631.360	1.512.116.185	-	171.542.747.545
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	967.269.530	-	-	967.269.530
Chi phí phải trả	12.369.898.064	-	-	12.369.898.064
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.240.262.143	-	-	19.240.262.143
Cộng	32.577.429.737	-	-	32.577.429.737
Chênh lệch thanh khoản thuần	137.453.201.623	1.512.116.185	-	138.965.317.808
Số đầu năm				
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.245.318.486	-	-	19.245.318.486
Các tài sản tài chính FVTPL	20.034.380.770	-	-	20.034.380.770
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	15.000.000.000	-	-	15.000.000.000
Các khoản cho vay	75.000.000	-	-	75.000.000
Các khoản phải thu cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	-	306.387.800	-	306.387.800
Cộng	64.348.447.235	306.387.800	-	64.654.835.035

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	8.050.000.000	-	8.050.000.000
Chi phí phải trả	375.486.612	-	-	375.486.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.660.426.312	-	-	1.660.426.312
Cộng	2.035.912.924	8.050.000.000	-	10.085.912.924
Chênh lệch thanh khoản thuần	62.312.534.311	(7.743.612.200)	-	54.568.922.111

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

5. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

	31/12/2018 (Đã được trình bày trước đây)	Trình bày lại	31/12/2018 (Được trình bày lại)
Nợ khó đòi đã xử lý	1.058.856.940	(529.277.777)	529.579.163

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có phát sinh các sự kiện như sau:

- Vào ngày 02 tháng 01 năm 2020, Công ty đã hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ đợt 1 từ 400.000.000.000 VND lên 439.600.000.000 VND từ việc phát hành 3.960.000 cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 16/20219/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 10 năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ chào bán cho nhà đầu tư để tăng vốn điều lệ từ 400.000.000.000 VND lên 500.000.000.000 VND tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 với mục đích bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
- Vào ngày 25 tháng 02 năm 2020, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép điều chỉnh số 11/GPĐC-UBCK, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Trần Sơn Hải, chức danh Tổng Giám đốc.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIÊN PHONG

Tầng 3, 75 - 77 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2020



TRẦN SƠN HẢI
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG
Giám đốc Khối tài chính

NGUYỄN THỊ KHÁNH TRANG
Kế toán trưởng



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính